

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HS-ST

Ngày 02-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Vũ;

2. Ông Trần Hữu Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9
- Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên
tòa:*** Ông Trương Công Luật – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý 28/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HS ngày 09/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/ HSST-QĐ, ngày 19/01/2026, Thông báo chuyển lịch phiên tòa số 03/2026/TB-TA ngày 26/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nay K; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk; Số CCCD: 066093002958 cấp ngày 02 tháng 8 năm 2022; Nơi thường trú: Buôn B, xã ES, huyện E (nay là xã EH), tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Buôn K, xã ES, huyện E (nay là nay là Buôn KB, xã E) tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Gia rai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ksor L, sinh năm: 1955 (đã chết) và bà Nay H S, sinh năm: 1965; Gia đình bị cáo có 8 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Có vợ là Ksor H L, sinh năm: 1995 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/9/2025 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Ksor H L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Số CCCD: 066195008357 cấp ngày 15 tháng 8 năm

2021; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Buôn Kr, xã ES, huyện E, (nay là Buôn KrB, xã EH), tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Gia rai; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nay T (đã chết) và bà Ksor H D, sinh năm: 1962; Gia đình bị cáo có 06 người con, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Chồng là Nay K, sinh năm: 1993 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Hiện đang mang thai tháng thứ 9 (con thứ 3).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/9/2025 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nay K:* Ông Nguyễn Hữu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 - tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ksor H L:* Ông Phùng Văn H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 - tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban quản lý bảo vệ rừng Cộng đồng Buôn TL, xã EH.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nay P – Chức vụ: Phó trưởng ban quản lý. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã EH.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã EH. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nay T, sinh năm 1980 và bà Ksor HB, sinh năm 1983; Địa chỉ: Buôn T, xã EH, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Ông Ksor Ph, sinh năm 1993; Địa chỉ: BT, xã EH, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Ksor YN. Địa chỉ: Buôn S, xã ED, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 12/2024, vợ chồng Nay K và Ksor H L đi hái cà phê thuê cho vợ chồng ông Nay Th (Nay Th là anh rể của Ksor H L), sinh năm 1980 và bà Ksor HB, sinh năm 1983, cùng trú tại Buôn T, xã ES, huyện E (nay là xã EH), tỉnh Đắk Lắk, thì Nay Th có kể chuyện về việc cách đây khoảng 2002 có khai hoang một khu đất gần suối ES ở núi Cư Phốt, do vợ ông Nay Th hay bị đau ốm nên gia đình không có điều kiện để canh tác nữa và đã bỏ hoang. Sau đó, vào khoảng đầu tháng 01/2025, Ksor H L và Nay K không thông báo, trao

đổi gí với vợ chồng ông Nay Th, hai vợ chồng Ksor H L và Nay K tự bàn bạc với nhau và mang theo com nước và 02 con dao rựa đến khu vực thuộc Lô 2, 3, 4, Khoảnh 3; Tiểu khu 32 rừng Cộng đồng Buôn TL quản lý, thuộc địa giới hành chính xã ES (nay là xã EH) tỉnh Đắk Lắk và cùng nhau sử dụng dao để chặt các cây gỗ đang còn sống và cây bụi tại khu vực này, trong thời gian 03 ngày thì phá được diện tích 0,67ha, sau khi chặt các cây rừng xong thì để nguyên tại hiện trường, mục đích để cho cây tự khô dần sẽ vào thu gom đốt dọn để lấy đất canh tác trồng cây mì, lúa... Khi biết được việc vợ chồng Nay K và Ksor H L tự ý phá rừng để làm nương rẫy, ông Nay Th cùng vợ là Ksor HB đi đến nhà của Nay K và Ksor H L để trả tiền công hái cà phê, cấy lúa thuê với số tiền 3.400.000 đồng, đồng thời nói với Nay K và Ksor H L không được phát dọn, chặt phá cây rừng và canh tác tại diện tích đất trên. Ngày 13/01/2025, Tổ Quản lý bảo vệ rừng cộng đồng Buôn TL phối hợp với Kiểm lâm địa bàn đi tuần tra, kiểm soát thì phát hiện khu rừng tại Khoảnh 3, Tiểu khu 32 do Cộng đồng Buôn TL quản lý, thuộc địa giới hành chính xã EH, tỉnh Đắk Lắk, đã bị chặt phá với diện tích khoảng 0,67ha.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vào ngày 16/01/2025, do Hạt kiểm lâm E – KB chủ trì, xác định vị trí, diện tích rừng bị huỷ hoại là tại Lô 2, 3, 4 Khoảnh 3, Tiểu khu 32, xã ES, huyện E, tỉnh Đắk Lắk diện tích rừng bị phá là 6.739 m².

Tại Kết luận giám định tư pháp số 02-2025/KL/GĐTP, ngày 11/02/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Diện tích rừng bị Thệt hại: 6.739 m² (0,673ha); Nguồn gốc rừng: Là rừng tự nhiên; Loại rừng: Rừng sản xuất; Trữ lượng lâm sản trên diện tích rừng bị tác động: 7,035 m³/6.739 m²; Lâm sản thuộc chủng loại thông thường từ Nhóm I đến Nhóm VIII (Giẻ, Cẩm liên, Cẩm xe, Cà chít, Xoài, Thầu tàu, Cám, Trám, Cây, Cồng tía, Hu Day, Vừng, Nhàu, Chay, Sến, Bình linh, Thành ngạnh, Quao, Sô, Chiêu liêu, Trâm, Móng bò) và chủng loại quý hiếm nhóm IIa (Giáng Hương). Khối lượng lâm sản trên diện tích rừng bị phá là: 4,620 m³/248 lóng gỗ tròn.

Về nguồn gốc: vị trí Lô 2, 3, 4, Khoảnh 3, Tiểu khu 32 do Cộng đồng Buôn TL, xã ES quản lý thuộc địa giới hành chính xã ES, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện E giao cho Cộng đồng Buôn TL, xã ES quản lý sử dụng theo Quyết định số: 1795/QĐ-UB ngày 26/9/2003 của UBND huyện E về việc giao đất lâm nghiệp cho Cộng đồng Buôn TL, xã ES quản lý sử dụng; Khế ước giao đất lâm nghiệp cho Cộng đồng Buôn TL, xã ES, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 26/9/2003 giữa UBND huyện E và Cộng đồng Buôn TL; Biên bản giao diện tích đất lâm nghiệp cho Cộng đồng Buôn TL quản lý sử dụng ngày 04/10/2003 giữa UBND huyện E, UBND xã ES, Lâm trường E và Cộng đồng Buôn TL.

Tại Kết luận định giá tài sản số 532/KL-HĐDGTS ngày 09/10/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

+ Giá trị của 248 thân (lóng) cây gỗ, tổng khối lượng 4,62m³ thời điểm định giá tháng 01/2025 là 11.256.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng);

+ Giá trị Thệt hại về môi trường rừng trên diện tích 0,67ha rừng bị hủy hoại tháng 01/2025: Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị Thệt hại về môi trường rừng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-HS ngày 15/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nay K và Ksor H L phạm tội “Hủy hoại rừng”;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Xử phạt bị cáo Nay K từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Th hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Xử phạt bị cáo Ksor H L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách bằng hai lần mức án tòa tuyên.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) Dao rựa phát; Đặc điểm: Có lưỡi làm bằng sắt, mỏ nhọn có chuôi làm bằng cây le, dạng hình trụ tròn với chiều dài đến hết chuôi cây le là 59cm; Chiều ngang lưỡi rựa là 4cm. Tình trạng: đã có dấu hiệu bị han rỉ, lưỡi Rựa không bị sút mẻ, đã qua sử dụng và 01 (một) Dao rựa phát; Đặc điểm: Có lưỡi làm bằng sắt, có chuôi làm bằng cây le, dạng hình trụ tròn với chiều dài đến hết chuôi le là: 57cm; Chiều ngang lưỡi rựa là 4cm. Tình trạng: đã có dấu hiệu bị han rỉ, lưỡi Rựa đã bị sút mẻ, đã qua sử dụng. Các vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 4,62 m³ gỗ các loại có giá trị 11.256.000 đồng là vật chứng của vụ án, đã được bàn giao cho Hạt Kiểm lâm E – KB trông coi, bảo quản. Cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc các bị cáo Nay K và Ksor H L đã tự nguyện bồi thường số tiền 11.256.000 đồng đồng cho Cộng

đồng buôn TL. Cộng đồng buôn TL đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đối với vợ chồng ông Nay Th quá trình điều tra đã xác định được khi Nay K và Ksor H L thực hiện việc chặt phá rừng thì vợ chồng ông Nay Th không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Người bào chữa của các bị cáo đều đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố đối với các bị cáo.

Về mức hình phạt:

Người bào chữa của bị cáo Nay K: Mức hình phạt Nay K mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nghiêm khắc, nên không đồng ý với mức hình phạt giam đối với bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo là người dân tộc Thều số, sinh sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh, gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật hạn chế. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội nhưng gây Thệt hại không lớn, đã thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cả hai bị cáo đã khắc phục toàn bộ Thệt hại cho nguyên đơn dân sự và được đại diện của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao để cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa của bị cáo Ksor H L: Đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Ksor K. Bị cáo Ksor H L là vợ của bị cáo Ksor K, bản thân Ksor H L hiện đang mang thai con thứ 3 ở tháng thứ 9, nên chuẩn bị sinh con, Ksor K sẽ trở thành lao động chính trong gia đình, chăm sóc vợ và 02 con nhỏ. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng b, n, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, để bị cáo có nhiều cơ hội sửa sai, sinh con và nuôi dưỡng con được tốt hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo về cơ bản phù hợp nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-HS ngày 15/12/2025; phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng đầu tháng 01/2025, Ksor H L và Nay K đã sử dụng 02 dao rựa phát đi đến Lô 2, 3, 4, Khoảnh 3, Tiểu khu 32 được Nhà nước giao cho Cộng đồng Buôn TL quản lý từ năm 2003, thuộc địa giới hành chính xã ES (nay là xã EH), tỉnh Đắk Lắk đã chặt phá trái phép trong 03 ngày với diện tích 6.739 m² (0,67 ha) rừng sản xuất theo mục đích sử dụng, rừng tự nhiên theo nguồn gốc hình thành, gây Thệt hại về lâm sản 11.256.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự;

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);”

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì muốn có đất canh tác trồng hoa màu, nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng thực hiện phạm tội Hủy hoại rừng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản của Nhà nước, ảnh hưởng đến công tác bảo vệ và phát triển rừng, gây tổn hại đến môi trường và gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Xét về điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo là dân tộc Thieu số, thuộc hộ nghèo, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, từ sự Thieu hiểu biết dẫn đến vi phạm pháp luật; diện tích rừng bị cáo hủy hoại không lớn, là rừng sản xuất; sau khi phạm tội các bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của mình bằng việc đã bồi thường toàn bộ Thệt hại để khắc phục hậu quả cho

nguyên đơn dân sự và được đại diện của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt. Ksor H L là phụ nữ đang mang thai tháng thứ 9, sắp sinh, nên bị cáo Nay K trở thành lao động chính trong gia đình, nuôi vợ con trong thời gian sinh con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không cần Thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục, cũng đủ răn đe đối với các bị cáo.

Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có thu nhập ổn định, nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa tại phiên tòa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với các bị cáo là chưa phù hợp, nên HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét theo quy định.

Đối với vợ chồng ông Nay Th, quá trình điều tra đã xác định được khi Nay K và Ksor H L thực hiện việc chặt phá rừng, thì vợ chồng ông Nay Th không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, gồm: 01 dao rựa phát; Có lưỡi làm bằng sắt, mỏ nhọn có chuôi làm bằng cây le, dạng hình trụ tròn với chiều dài đến hết chuôi cây le là 59cm; Chiều ngang lưỡi rựa là 4cm. Tình trạng: đã có dấu hiệu bị han rỉ, lưỡi Rựa không bị sứt mẻ, đã qua sử dụng và 01 dao rựa phát; Có lưỡi làm bằng sắt, có chuôi làm bằng cây le, dạng hình trụ tròn với chiều dài đến hết chuôi le là: 57cm; Chiều ngang lưỡi rựa là 4cm. Tình trạng: đã có dấu hiệu bị han rỉ, lưỡi Rựa đã bị sứt mẻ, đã qua sử dụng. Vì không còn giá trị sử dụng.

Cần tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 4,62 m³ gỗ các loại có giá trị 11.256.000 đồng là vật chứng của vụ án, đã được bàn giao cho Hạt Kiểm lâm E – KB trông coi, bảo quản.

(Đặc điểm các vật chứng lưu tại hồ sơ vụ án).

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc các bị cáo Nay K và Ksor H L đã tự nguyện bồi thường số tiền 11.256.000 đồng đồng cho Cộng đồng buôn TL. Cộng đồng buôn TL đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do các bị cáo thuộc hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó

khẩn. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Nay K và Ksor H L phạm tội “Hủy hoại rừng”;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo Nay K 01 (năm) 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo Ksor H L 01 (năm) tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã EH, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã EH, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Th hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, gồm: 01 dao rựa phát; Có lưỡi làm bằng sắt, mỏ nhọn có chuôi làm bằng cây le, dạng hình trụ tròn với chiều dài đến hết chuôi cây le là 59cm; Chiều ngang lưỡi rựa là 4cm. Tình trạng: đã có dấu hiệu bị han rỉ, lưỡi Rựa không bị sứt mẻ, đã qua sử dụng và 01 dao rựa phát; Có lưỡi làm bằng sắt, có chuôi làm bằng cây le, dạng hình trụ tròn với chiều dài đến hết chuôi le là: 57cm; Chiều ngang lưỡi rựa là 4cm. Tình trạng: đã có dấu hiệu bị han rỉ, lưỡi Rựa đã bị sứt mẻ, đã qua sử dụng. Vì không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 4,62 m³ gỗ các loại.

(Đặc điểm các vật chứng lưu tại hồ sơ vụ án).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc các bị cáo Nay K và Ksor H L đã tự nguyện bồi thường số tiền 11.256.000 đồng đồng cho Cộng đồng buôn TL.

Cộng đồng Buôn TL đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Các bị cáo Nay K và Ksor H L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Do bị cáo thuộc hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk.;
- Viện KSND khu vực 9 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đắk Lắk;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nụ